ACA MT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG

Phòng 1301, Tháp B Toà nhà Dầu khí, số 7, đường Quang Trung, Phường Thành Vinh, Nghệ An

Điện thoại:(0238)3 848 810 - Web: kiemtoanmientrung.com

Được quét bằng CamScanner

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 21

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cấp nước Yên Thành (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

BAN LÃNH ĐẠO

Các thành viên của Ban Lãnh đạo tham gia điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Văn Minh	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trung Tuấn	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Xuân Hải	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Trung Tuấn	Giám đốc	
Ông Hoàng Đình Phú	Phó Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/05/2025)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Bà Trần Thị Hằng	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 31/07/2025)
Bà Thái Thị Thảo	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2025)
Ông Nguyễn Duy Thành	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2025)
Ông Hoàng Đình Phú	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/04/2025)
Ông Võ Văn Sỹ	Thành viên	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Nghệ An, ngày 4 tháng 3 năm 2026

TM. Ban Lãnh đạo
Chủ tịch HĐQT

M.S.D.N: 2902034791 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH
YÊN THÀNH-T.NGHỆ AN

Hoàng Văn Minh

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG
ACA MT CONSULTING AND AUDITING COMPANY LIMITED
Phòng 1301, Tháp B Toà nhà Dầu khí, số 7, Đường Quang Trung, P. Thành Vinh, Nghệ An
Room 1301, Tower B Petro Building, No. 7, Quang Trung Street, Thanh Vinh ward, Nghe An
Tel:(0238)3 848 810 - Web: kiemtoanmientrung.com - Email: linhtxaca@gmail.com

Số: 01.040326/BCKT- ACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông và Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Cấp nước Yên Thành

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Yên Thành được lập ngày 4 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Được quét bằng CamScanner

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Yên Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 2900843140 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG
TP. VINH T. NGHỆ AN

Trần Xuân Linh
Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3406-2023-257-1

Đậu Thị Thủy
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 6667-2024-257-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung

Nghệ An, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Được quét bằng CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.890.836.949**	**5.882.329.573**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**1.008.890.393**	**1.115.097.420**
111	1. Tiền		1.008.890.393	1.115.097.420
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	5	**3.559.258.564**	**3.444.353.167**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.559.258.564	3.444.353.167
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**660.202.196**	**712.718.906**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	673.414.373	672.910.589
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	6	30.345.503	39.808.317
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.557.680)	
140	**IV. Hàng tồn kho**	7	**567.087.483**	**609.560.080**
141	1. Hàng tồn kho		567.087.483	609.560.080
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**95.398.313**	**600.000**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	79.742.395	
153	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	10	15.655.918	600.000
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**21.141.484.016**	**21.249.851.130**
220	**I. Tài sản cố định**		**21.038.616.601**	**21.206.438.364**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	21.038.616.601	21.206.438.364
222	*- Nguyên giá*		*41.134.840.678*	*40.125.837.395*
223	*- Giá trị hao mòn lũy kế*		*(20.096.224.077)*	*(18.919.399.031)*
260	**II. Tài sản dài hạn khác**		**102.867.415**	**43.412.766**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	102.867.415	43.412.766
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**27.032.320.965**	**27.132.180.703**

Được quét bằng CamScanner

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**228.136.967**	**341.752.019**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**228.136.967**	**341.752.019**
312	1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	71.961.171
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	-	57.611.554
314	3. Phải trả người lao động		127.497.117	120.235.507
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	100.589.600	89.164.450
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		-	2.729.087
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		50.250	50.250
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**26.804.183.998**	**26.790.428.684**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	12	**26.804.183.998**	**26.790.428.684**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.750.030.000	29.750.030.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*29.750.030.000*	*29.750.030.000*
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.945.846.002)	(2.959.601.316)
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*(2.959.601.316)*	*(2.972.734.745)*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*13.755.314*	*13.133.429*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**27.032.320.965**	**27.132.180.703**

Nghệ An, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Xuân Hải	Nguyễn Thị Xuân Hải	Hoàng Văn Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**13**	**7.372.450.001**	**7.507.047.206**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**7.372.450.001**	**7.507.047.206**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**14**	**5.496.823.461**	**5.589.749.469**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.875.626.540**	**1.917.297.737**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15	113.054.764	122.873.107
22	7. Chi phí tài chính		-	
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		-	
25	8. Chi phí bán hàng		-	
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	2.033.630.766	2.068.750.531
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(44.949.462)**	**(28.579.687)**
31	11. Thu nhập khác		58.704.776	41.819.192
32	12. Chi phí khác		-	106.076
40	**13. Lợi nhuận khác**		**58.704.776**	**41.713.116**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**13.755.314**	**13.133.429**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	17	-	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**13.755.314**	**13.133.429**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**18**	**5**	**4**
71	**19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**18**	**5**	**4**

Nghệ An, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Xuân Hải	Nguyễn Thị Xuân Hải	Hoàng Văn Minh

M.S.D.N: 2902034794 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH
H. YÊN THÀNH - NGHỆ AN

Được quét bằng CamScanner

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Theo phương pháp trực tiếp

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	8.043.435.110	8.123.509.789
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(4.043.233.581)	(4.233.045.779)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(2.129.675.859)	(2.033.953.926)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	236.062.850	249.720.124
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.187.370.825)	(1.048.465.275)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***	***919.217.695***	***1.057.764.933***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.028.526.304)	
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.200.000.000)	(1.700.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	3.100.967.040	1.015.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	102.134.542	65.975.793
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***	***(1.025.424.722)***	***(619.024.207)***
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**(106.207.027)**	**438.740.726**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**1.115.097.420**	**676.356.694**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**1.008.890.393**	**1.115.097.420**

Nghệ An, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Xuân Hải	Nguyễn Thị Xuân Hải	Hoàng Văn Minh

M.S.D.N: 2902034794 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH
H.YÊN THÀNH T.NGHỆ AN

Được quét bằng CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

1 . THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Yên Thành, (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Ban quản lý Nhà máy nước thị trấn Yên Thành. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 2902034794 ngày 07/01/2020, đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 28/10/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 29.750.030.000 VND chia thành 2.975.003 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2025 là 29.750.030.000 VND.

1.2 . Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ; Thoát nước và xử lý nước thải; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp; Xây dựng công trình cấp, thoát nước; Khai thác, xử lý và cung cấp nước; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Xây dựng công trình thủy.

1.3 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng.

1.4 . Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại: Xóm Phúc Hậu, xã Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Số lượng lao động của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 18 người (tại ngày 31/12/2024 là 19 người).

2 . CƠ SỞ, CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam.

2.3 . Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Được quét bằng CamScanner

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

(i) Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa doanh nghiệp và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

(ii) Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như: Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia; Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là ngắn hạn hoặc dài hạn căn cứ vào kỳ hạn còn lại.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên, trong đó:

Nợ phải thu quá hạn thanh toán

	Mức trích lập dự phòng
Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	30% giá trị
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50% giá trị
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70% giá trị
Từ 3 năm trở lên	100% giá trị

Được quét bằng CamScanner

Các khoản nợ phải thu (tiếp theo)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi còn được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được. Các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá xuất hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.8 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau: (i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian sử dụng	
- Nhà cửa, vật kiến trúc	16 - 46	năm
- Máy móc, thiết bị	15 - 23	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20 - 27	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04-05	năm
- Cây lâu năm	07	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Được quét bằng CamScanner

2.10 . Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

(i) Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

(ii) Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ: Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn,...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả phát sinh khi mua hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước, như: Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa, vụ có thể xây dựng được kế hoạch ngừng sản xuất; Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau khi trái phiếu đáo hạn; Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; (ii) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; (iii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (iv) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và (v) Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng có thể xác định được.

Được quét bằng CamScanner

Doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau: (i) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; (ii) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; (iii) Phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán có thể xác định được; và (iv) Chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó có thể xác định được.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của Công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau: (i) Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Như: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ; Thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp...

2.14 . Chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

2.15 . Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Được quét bằng CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

2.16 . Bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty; Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên quan này, những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	20.728.247	15.578.657
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	988.162.146	1.099.518.763
Tổng	**1.008.890.393**	**1.115.097.420**

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước sạch	556.596.869	434.936.190
Phải thu khách hàng khác	116.817.504	237.974.399
Tổng	**673.414.373**	**672.910.589**

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết Phụ lục 1

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**30.345.503**	-	**39.808.317**	-
- Tạm ứng	18.598.288	-	23.395.182	-
- Lãi dự thu	11.365.827	-	16.318.042	-
- Phải thu khác	381.388	-	95.093	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	567.087.483	-	609.560.080	-
Tổng	**567.087.483**	-	**609.560.080**	-

8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Xem chi tiết Phụ lục 2

Được quét bằng CamScanner

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	**79.742.395**	-
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.534.304	-
- Phí dịch vụ quản lý các gói về công nghệ thông tin	35.074.000	-
- Chi phí sửa chữa	8.134.091	-
b) Dài hạn	**102.867.415**	**43.412.766**
- Giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.756.304	43.412.766
- Chi phí giấy phép khai thác	66.111.111	-

10 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025 VND	Số phải nộp VND	Số thực nộp VND	31/12/2025 VND
Thuế GTGT	56.795.119	398.225.879	468.644.409	(13.623.411)
Thuế TNDN	(600.000)	-	-	(600.000)
Phí, lệ phí	816.435	328.120.662	330.369.604	(1.432.507)
Thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Trong đó				
- Trình bày là phải thu	600.000			15.655.918
- Trình bày là phải trả	57.611.554			-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	**100.589.600**	**89.164.450**
Tiền điện phải trả	100.589.600	89.164.450

12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Dư đầu năm trước	**29.750.030.000**	**(2.972.734.745)**	**26.777.295.255**
Lãi trong năm trước	-	13.133.429	13.133.429
Dư cuối năm trước	**29.750.030.000**	**(2.959.601.316)**	**26.790.428.684**
Lãi trong năm nay	-	13.755.314	13.755.314
Dư cuối năm nay	**29.750.030.000**	**(2.945.846.002)**	**26.804.183.998**

Được quét bằng CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025	Tỷ lệ	01/01/2025	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Nhà nước	29.456.030.000	99,01	29.456.030.000	99,01
Vốn góp của các đối tượng khác	294.000.000	0,99	294.000.000	0,99
Tổng	**29.750.030.000**	**100,00**	**29.750.030.000**	**100,00**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*29.750.030.000*	*29.750.030.000*
- Vốn góp cuối năm	*29.750.030.000*	*29.750.030.000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.975.003	2.975.003
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.975.003	2.975.003
- Cổ phiếu phổ thông	*2.975.003*	*2.975.003*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.975.003	2.975.003
- Cổ phiếu phổ thông	*2.975.003*	*2.975.003*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu

13 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán nước sạch, xây lắp, bán vật tư	7.372.450.001	7.507.047.206
Tổng	**7.372.450.001**	**7.507.047.206**

14 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn bán nước sạch, xây lắp, bán vật tư	5.496.823.461	5.589.749.469
Tổng	**5.496.823.461**	**5.589.749.469**

15 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	113.054.764	122.873.107
Tổng	**113.054.764**	**122.873.107**

Được quét bằng CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

16 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.427.635.480	1.404.412.052
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	112.190.536	125.225.311
Chi phí khấu hao	26.208.647	28.100.254
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	43.557.680	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.541.793	35.666.992
Chi phí bằng tiền khác	390.496.630	472.345.922
Tổng	**2.033.630.766**	**2.068.750.531**

17 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 17% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận trước thuế	13.755.314	13.133.429
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	13.755.314	13.133.429
Lỗ năm trước chuyển sang	(13.755.314)	(13.133.429)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**-**	**-**

18 . LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	13.755.314	13.133.429
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	13.755.314	13.133.429
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.975.003	2.975.003
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**5**	**4**

Được quét bằng CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09-DN**

LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP THEO)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty Cổ phần Cấp nước Yên Thành không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu. Vì vậy, lãi suy giảm trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và ngày 31/12/2024 cũng bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

19 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

20 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	970.676.244	790.459.136

21 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn ACA Miền Trung.

Nghệ An, ngày 4 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thị Xuân Hải	Nguyễn Thị Xuân Hải	Hoàng Văn Minh

M.S.D.N: 2902034... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH H.YÊN THÀNH-T.NGHỆ AN

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 1 : CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	3.559.258.564	3.559.258.564	3.444.353.167	3.444.353.167
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	*3.559.258.564*	*3.559.258.564*	*3.444.353.167*	*3.444.353.167*

(*) Bao gồm khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn - PGD Yên Thành:

- Hợp đồng số 21092022/13044256/HĐTG ngày 21/09/2022 với số tiền gửi 500.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng, Số dư gốc tại ngày 31/12/2025 là 559.258.564 VND, lãi suất 2,9%/năm;

- Hợp đồng số 01/13044256/HĐTG ngày 29/12/2025 với số tiền gửi 3.000.000.000 VND, kỳ hạn 06 tháng, Số dư gốc tại ngày 31/12/2025 là 3.000.000.000 VND, lãi suất 6%/năm.

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục 2 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	**16.877.889.613**	**1.104.910.868**	**22.032.587.431**	**63.890.000**	**46.559.483**	**40.125.837.395**
Số tăng trong năm	616.231.876	-	392.771.407	-	-	1.009.003.283
- Mua trong năm	-	-	*392.771.407*	-	-	*392.771.407*
- Đầu tư XDCB hoàn thành	*616.231.876*	-	-	-	-	*616.231.876*
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**17.494.121.489**	**1.104.910.868**	**22.425.358.838**	**63.890.000**	**46.559.483**	**41.134.840.678**
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	-	-	-	*63.890.000*	-	*63.890.000*
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	**6.824.658.880**	**605.363.167**	**11.386.540.936**	**63.890.000**	**38.946.048**	**18.919.399.031**
Số tăng trong năm	362.331.558	55.096.200	753.654.952	-	5.742.336	1.176.825.046
- Khấu hao trong năm	*362.331.558*	*55.096.200*	*753.654.952*	-	*5.742.336*	*1.176.825.046*
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	**7.186.990.438**	**660.459.367**	**12.140.195.888**	**63.890.000**	**44.688.384**	**20.096.224.077**
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	10.053.230.733	499.547.701	10.646.046.495	-	7.613.435	21.206.438.364
Tại ngày cuối năm	**10.307.131.051**	**444.451.501**	**10.285.162.950**	**-**	**1.871.099**	**21.038.616.601**

Được quét bằng CamScanner

Công ty: Cổ Phần Cấp nước Yên Thành
Kỳ: Năm 2025

DN - BÁO CÁO NGOẠI BẢNG - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Nợ phải thu khó đòi	**110**			
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm	**111**			
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm	**112**			
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước	**120**			
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	**121**			
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn còn lạ	**122**			
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài	**130**			
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng	**131**			
b) Các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác c	**132**			
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước	**140**			
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD	**141**			
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chu	**142**			
c) Thuế tài chính dài hạn trong nước	**143**			
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác	**144**			
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài	**150**			
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ	**151**			
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh	**152**			
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả	**153**			
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chu	**154**			
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại	**155**			
6. Nợ phải trả quá hạn	**156**			
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN	**157**		**57.011.554**	**2.827.551**
8. Vốn điều lệ	**200**		**29.750.030.000**	**29.750.030.000**
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	**300**		**729.346.541**	**676.575.420**
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa	**310**		729.346.541	676.575.420
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK	**330**			
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSN	**350**			
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN	**351**		**802.014.013**	**622.391.417**
- Lợi nhuận đã nộp NSNN	**352**			
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyên	**360**		**- 15.655.918**	**57.011.554**
12. Tổng quỹ lương	**622**		**2.129.675.859**	**2.033.953.926**
13. Số lao động bình quân (người)	**610**		**19**	**19**
14. Tiền lương bình quân người/năm	**623**		**112.088.203**	**107.050.207**

Người lập biểu

Nguyễn Thị Xuân Hải

Giám Đốc

M.S.D.N: 2902034794 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC YÊN THÀNH
H.YÊN THÀNH-T.NGHỆ AN

Nguyễn Trung Tuấn

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN ACA MIỀN TRUNG
ACA MT CONSULTING AND AUDITING COMPANY LIMITED
Phòng 1301, Tháp B Toà nhà Dầu khí, số 7, đường Quang Trung, Phường Thành Vinh, Nghệ An
Room 1301, Tower B Petro Building, No.7, Quang Trung Street, Thanh Vinh Ward, Nghe An
Tel:(0238)3 848 810 - Web: kiemtoanmientrung.com - Email: linhtxaca@gmail.com

Được quét bằng CamScanner